

CÔNG TY CỔ PHẦN WESALE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN WESALE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WESALE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: WESALE .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110331188

3. Ngày thành lập: 24/04/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12 ngõ 299/18 đường Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904155679

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
6.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, tem, tiền kim khí)	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại Nhà nước cấm)	4669
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động báo chí)	8230
26.	Dịch vụ đóng gói	8292
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
28.	Giáo dục nhà trẻ	8511
29.	Giáo dục mẫu giáo	8512
30.	Đào tạo sơ cấp	8531
31.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
33.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
34.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
35.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
36.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
37.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
38.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
39.	Lập trình máy vi tính	6201
40.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
41.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
42.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

43.	Cổng thông tin Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử (Trừ hoạt động báo chí)	6312(Chính)
44.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
45.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
46.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ Tư vấn bất động sản - Dịch vụ Môi giới bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
47.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán)	7020
48.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
49.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
50.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
51.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
52.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
53.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
54.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
55.	Quảng cáo (Trừ loại Nhà nước cấm)	7310
56.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động điều tra)	7320
57.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
58.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động của các nhà báo độc lập và loại trừ các hoạt động: Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán.	7490
59.	Cho thuê xe có động cơ	7710
60.	Bán buôn tổng hợp	4690
61.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
62.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

63.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
64.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
65.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
66.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
67.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
68.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
69.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
70.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
71.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
72.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
73.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
74.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
75.	Sản xuất đường	1072
76.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
77.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
78.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
79.	Sản xuất chè	1076
80.	Sản xuất cà phê	1077
81.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
82.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
83.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
84.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
85.	Sản xuất sợi	1311
86.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
87.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
88.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
89.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
90.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
91.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
92.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
93.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
94.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
95.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
96.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
97.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
98.	Sản xuất giày, dép	1520
99.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
100.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

101.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
102.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
103.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
104.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
105.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
106.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
107.	In ấn	1811
108.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
109.	Sao chép bản ghi các loại	1820
110.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
111.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
112.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
113.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
114.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
115.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
116.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
117.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
118.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
119.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
120.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
121.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
122.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
123.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
124.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
125.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
126.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
127.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
128.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
129.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
130.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
131.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791

132.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đầu giá)	4799
133.	Xuất bản phần mềm (không bao gồm xuất bản phẩm)	5820
134.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Sản xuất phim video	5911
135.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm	5920
136.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up); - Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet); - Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ).	6190
137.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
138.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
139.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
140.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
141.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
142.	Đại lý du lịch	7911
143.	Điều hành tua du lịch	7912
144.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
145.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
146.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
147.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
148.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
149.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
150.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
151.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
152.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
153.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
154.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
155.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

156.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
157.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
158.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
159.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
160.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
161.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
162.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
163.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
164.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
165.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
166.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
167.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
168.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
169.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
170.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
171.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
172.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kinh doanh vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN XUÂN LÂM	P2905-CT1, CC CT Nam Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	35,000	0010870267 82	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	35.000	350.000.000	35,000		
2	DOÃN XUÂN TRƯỜNG	Số 14 ngõ 9 Lê Trọng Tấn, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	25,000	0190780006 86	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.000	250.000.000	25,000		

3	KHÚC NGỌC ANH	Số 7 Thanh Yên, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	40,000	001088000484
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.000	400.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DOÃN XUÂN TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/08/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019078000686

Ngày cấp: 14/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 14 ngõ 9 Lê Trọng Tấn, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 14 ngõ 9 Lê Trọng Tấn, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội